

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 409/2026/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1984; CCCD: 044184007749; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Giáp T, sinh năm: 1984; CCCD: 044084009146; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Giáp T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Giáp T cùng khai vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Lê N1, sinh ngày 11/08/2008 và cháu Nguyễn Hoàng Lê Đ, sinh ngày 02/02/2011. Cháu Nguyễn Thị Lê N1 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị N và anh T thống nhất thỏa thuận giao con chung cháu Lê Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Đ có nguyện vọng xin được ở với mẹ, sau khi bố mẹ ly hôn; ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Giáp T tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N, anh T thỏa thuận chị N chịu nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con các đương sự không phải chịu nộp. Chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E, số: 0000368 ngày 30/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND KV 1 – Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 1 – Quảng Trị;
- Công an xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh